

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM MỸ
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 78/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 15/9/2022

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM MỸ, TỈNH ĐỒNG NAI**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trương Thị Thùy Trang**

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông **Phạm Văn Thành**

2/ Bà **Phạm Ngọc Nhung**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông **Phạm Thái Học**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông **Trần Văn Sơn**, Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 302/2022/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 87/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: bà Lê Thị N, sinh năm: 1983

HKTT: ấp A, xã L, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

Nơi cư trú: ấp B, xã S, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn*: ông Trần L, sinh năm: 1967

HKTT và nơi cư trú: ấp A, xã L, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

(Bà N và ông L vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, nguyên đơn bà Lê Thị N trình bày:

Trên cơ sở tự nguyện, bà Lê Thị N và ông Trần L tiến tới hôn nhân và đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện C, tỉnh Đồng Nai vào ngày 15/11/2005. Đây là hôn nhân lần đầu của cả hai. Trong thời gian chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, do tính tình ông L gia trưởng, độc đoán, ông L thường ghen tuông vô cớ, nhậu nhẹt say xỉn về nhà gây sự nên vợ chồng xảy ra cãi vã, ông L thường đánh đập bà, dẫn đến tình cảm vợ chồng rạn nứt không thể hàn gắn. Nay

nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể hòa giải đoàn tụ, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 02/2022 nên bà đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với ông Trần L.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là cháu Trần Bích A, sinh ngày 05/10/2006, cháu Trần Tuyết M, sinh ngày 15/8/2012 và cháu Trần Ngọc T, sinh ngày 17/6/2020. Hiện các con đang sống cùng bà N. Nay bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng các con chung là cháu Trần Bích A, cháu Trần Tuyết M, cháu Trần Ngọc T và không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Bà N và ông L tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại biên bản lấy lời khai, bị đơn ông Trần L trình bày: Ông L thống nhất với trình bày của bà N về quá trình hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng theo ông là do từ năm 2021 bà N làm môi giới đất đai nên thường đi sớm về muộn, vì vậy vợ chồng hay cãi vã và có xảy ra xô xát chứ ông không đánh đập bà N, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 02/2022. Nay ông xác định vẫn còn tình cảm với bà N và vì các con còn nhỏ nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Ông L đồng ý giao các con là cháu Trần Bích A, cháu Trần Tuyết M và cháu Trần Ngọc T cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng và ông không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Ông L và bà N tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đại diện Viện kiểm sát huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án.

Người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành pháp luật và nguyên đơn, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Riêng bị đơn chưa chấp hành đầy đủ và vắng mặt tại các buổi làm việc.

Về đường lối giải quyết: áp dụng Điều 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Điều 87, 89 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho bà Lê Thị N ly hôn ông Trần L; về con chung: giao cháu Trần Bích A, sinh ngày 05/10/2006, cháu Trần Tuyết M, sinh ngày 15/8/2012 và cháu Trần Ngọc T, sinh ngày 17/6/2020 cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng; về cấp dưỡng nuôi con chung không ai yêu cầu nên không xem xét giải quyết; về tài sản chung: các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết; về nợ chung: không ai yêu cầu nên không xem xét giải quyết; về án phí sơ thẩm: theo quy định pháp luật.

Kiến nghị khắc phục: không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Lê Thị N có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và nuôi con với ông Trần L. Ông L có đăng ký hộ khẩu thường trú và đang sinh sống tại ấp A, xã L, huyện C, tỉnh Đồng Nai. Nên căn cứ Điều 51 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì quan hệ tranh chấp trong vụ kiện này là “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, nhưng bà N và ông L có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung theo quy định tại khoản 1 Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhận thấy:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị N và ông Trần L tự nguyện chung sống và đã đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện C, tỉnh Đồng Nai vào ngày 15/11/2005 nên xác định là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Quá trình chung sống, bà N cho rằng cuộc sống chung không còn hạnh phúc, do ông L tính tình gia trưởng, độc đoán, thường rượu chè, ghen tuông vô cớ, đánh đập bà dẫn đến mâu thuẫn và đã sống ly thân từ tháng 02/2022. Bản thân ông L cũng thừa nhận mâu thuẫn giữa hai vợ chồng và đã sống ly thân, nhưng xác định vẫn còn tình cảm với bà N và vì các con còn nhỏ nên không đồng ý ly hôn. Tuy nhiên, trong suốt quá trình giải quyết vụ án ông L nhiều lần vắng mặt, ông cũng có đơn xin vắng mặt tại phiên họp hoà giải và phiên tòa, chứng tỏ bản thân ông cũng không muốn vợ chồng hoà giải và hàn gắn lại với nhau. Do đó, Hội đồng xét xử nhận định tình trạng hôn nhân giữa bà N và ông L đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của bà N là có cơ sở nên chấp nhận.

- Về con chung: Bà N và ông L đều trình bày thống nhất giao các con chung cháu Trần Bích A, sinh ngày 05/10/2006, cháu Trần Tuyết M, sinh ngày 15/8/2012 và cháu Trần Ngọc T, sinh ngày 17/6/2020 cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng, bà N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Thỏa thuận này cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu A và cháu M nên chấp nhận.

- Về tài sản chung: Bà N và ông L tự thỏa thuận và không ai yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét

- Về nợ chung: Bà N và ông L đều khai không có và không ai yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[4] Về án phí: Bà N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 266 và Điều 273 của Bộ Luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 và 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị N được ly hôn với ông Trần L.

2. Về con chung: Giao các con chung là cháu Trần Bích A, sinh ngày 05/10/2006, cháu Trần Tuyết M, sinh ngày 15/8/2012 và cháu Trần Ngọc T, sinh ngày 17/6/2020 cho bà Lê Thị N trực tiếp nuôi dưỡng.

Tạm thời ông Trần L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông L được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản. Vì lợi ích của trẻ khi cần thiết các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, cũng như yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Bà N và ông L tự thỏa thuận và không ai yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà N và ông L khai không có và không ai yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Bà Lê Thị N phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, chuyển tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng bà N đã nộp sang án phí, theo biên lai thu tiền số 0001381 ngày 05 tháng 7 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đồng Nai. Bà N đã nộp đủ án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

- VKSND huyện Cẩm Mỹ;
- THADS huyện Cẩm Mỹ;
- UBND xã L, huyện Cẩm Mỹ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trương Thị Thùy Trang